

Câu 1. a) Tính: $\sqrt{5-2\sqrt{2+\sqrt{9+4\sqrt{2}}}}$

b) Cho a, b, c là ba số thực dương thỏa mãn điều kiện

$a + b + c + \sqrt{abc} = 4$. Tính giá trị của biểu thức:

$A = \sqrt{a(4-b)(4-c)} + \sqrt{b(4-c)(4-a)} + \sqrt{c(4-a)(4-b)} - \sqrt{abc}$

Câu 2. Giải các phương trình sau:

a) $\sqrt{x} - \sqrt{x+1} - \sqrt{x+4} + \sqrt{x+9} = 0$

b) $2(x^2 + 2) = 5\sqrt{x^3 + 1}$

Câu 3. Tìm tất cả các bộ số nguyên dương $(x; y; z)$ thỏa mãn $\frac{x+y\sqrt{2013}}{y+z\sqrt{2013}}$ là số hữu tỉ, đồng thời $x^2 + y^2 + z^2$ là số nguyên tố.

Câu 4. Cho tam giác ABC nhọn ($AB < AC$) nội tiếp đường tròn (O), hai đường cao BE, CF cắt nhau tại H. Tia AO cắt đường tròn (O) tại D.

a) Chứng minh các điểm B, C, E, F thuộc một đường tròn.

b) Chứng minh tứ giác BHCD là hình bình hành.

c) Gọi M là trung điểm của BC, tia AM cắt HO tại G. Chứng minh G là trọng tâm của tam giác ABC.

Câu 5. a) Cho a, b, c là các số thực; x, y, z là các số thực dương.

Chứng minh: $\frac{a^2}{x} + \frac{b^2}{y} + \frac{c^2}{z} \geq \frac{(a+b+c)^2}{x+y+z}$

b) Cho x, y, z là các số thực lớn hơn -1.

Chứng minh: $\frac{1+x^2}{1+y+z^2} + \frac{1+y^2}{1+z+x^2} + \frac{1+z^2}{1+x+y^2} \geq 2$

Câu 6. Cho bảng vuông 13×13 . Người ta tô màu đỏ ở S ô vuông của bảng sao cho không có 4 ô đỏ nào nằm ở 4 góc của một hình chữ nhật. Hỏi giá trị lớn nhất của S có thể là bao nhiêu?

Câu	Ý	Nội Dung
Câu 1		$\sqrt{5 - 2\sqrt{2 + \sqrt{9 + 4\sqrt{2}}}} = \sqrt{5 - 2\sqrt{2 + (2\sqrt{2} + 1)^2}} = \sqrt{5 - 2\sqrt{3 + 2\sqrt{2}}}$ $= \sqrt{5 - 2\sqrt{(\sqrt{2} + 1)^2}} = \sqrt{3 - 2\sqrt{2}} = \sqrt{(\sqrt{2} - 1)^2} = \sqrt{2} - 1$
		$A = \sqrt{a(4-b)(4-c)} + \sqrt{b(4-c)(4-a)} + \sqrt{c(4-a)(4-b)} - \sqrt{abc}$
Câu 2		$a + b + c + \sqrt{abc} = 4 \Leftrightarrow 4a + 4b + 4c + 4\sqrt{abc} = 16$ $\Rightarrow \sqrt{a(4-b)(4-c)} = \sqrt{a(16 - 4b - 4c + bc)}$
		$= \sqrt{a(2\sqrt{a} + \sqrt{bc})^2} = \sqrt{a}(2\sqrt{a} + \sqrt{bc}) = 2a + \sqrt{abc}$
		<p>Tương tự $\sqrt{b(4-c)(4-a)} = 2b + \sqrt{abc}$, $\sqrt{c(4-a)(4-b)} = 2c + \sqrt{abc}$</p> $\Rightarrow A = 2(a + b + c) + 3\sqrt{abc} - \sqrt{abc} = 2(a + b + c + \sqrt{abc}) = 8$
		<p>a) ĐK: $x \geq 0$. Pt $\Leftrightarrow \sqrt{x+9} - \sqrt{x+4} = \sqrt{x+1} - \sqrt{x}$ (1)</p> $\Leftrightarrow \frac{5}{\sqrt{x+9} + \sqrt{x+4}} = \frac{1}{\sqrt{x+1} + \sqrt{x}}$ $\Leftrightarrow \sqrt{x+9} + \sqrt{x+4} = 5(\sqrt{x+1} + \sqrt{x})$ (2) <p>Từ (1),(2) suy ra:</p> $\sqrt{x+9} = 3\sqrt{x+1} + 2\sqrt{x} \geq 3\sqrt{x+1} = \sqrt{9x+9} \geq \sqrt{x+9}$, dấu "=" xảy ra khi $x=0$. Thử lại $x=0$ là nghiệm pt. Vậy pt đã cho có nghiệm $x=0$.
		<p>b) ĐK: $x \geq -1$.</p> <p>Đặt $a = \sqrt{x+1}$, $b = \sqrt{x^2 - x + 1}$ với $a \geq 0$, $b > 0$.</p> <p>Khi đó phương trình đã cho trở thành:</p> $2(a^2 + b^2) = 5ab \Leftrightarrow (2a-b)(a-2b) = 0$ $\Leftrightarrow 2a=b \text{ hoặc } a=2b$ <p>Với $a=2b \Leftrightarrow \sqrt{x+1} = 2\sqrt{x^2 - x + 1}$</p> $\Leftrightarrow 4x^2 - 5x + 3 = 0, \text{ vô nghiệm.}$ <p>Với $b=2a \Leftrightarrow \sqrt{x^2 - x + 1} = 2\sqrt{x+1}$</p> $\Leftrightarrow x^2 - 5x - 3 = 0 \Leftrightarrow x = \frac{5 \pm \sqrt{37}}{2} \text{ (thỏa mãn đk } x \geq -1.)$

b) (1 điểm) Vẽ trái

$$\geq \frac{2(1+x^2)}{2(1+z^2)+(1+y^2)} + \frac{2(1+y^2)}{2(1+x^2)+(1+z^2)} + \frac{2(1+z^2)}{2(1+y^2)+(1+x^2)} = M$$

Đặt $1+x^2 = a, 1+y^2 = b, 1+z^2 = c$. với $a, b, c > 0$

$$\text{Khi đó } M = \frac{2a}{2c+b} + \frac{2b}{2a+c} + \frac{2c}{2b+a} = \frac{2a^2}{2ac+ab} + \frac{2b^2}{2ab+bc} + \frac{2c^2}{2bc+ac}$$

Sau đó áp dụng bất ở phần a) và bất

$$(a+b+c)^2 \geq 3(ab+bc+ca) \Rightarrow M \geq 2$$

Từ đó có đpcm

Câu 6

Gọi x_i là số ô được tô đỏ ở dòng thứ i .

Ta có: $S = x_1 + x_2 + \dots + x_{13}$; ở hàng thứ i số các cặp ô đỏ là $C_{x_i}^2 = \frac{x_i(x_i - 1)}{2}$

Vậy tổng số các cặp ô đỏ là $A = \frac{x_1(x_1 - 1)}{2} + \frac{x_2(x_2 - 1)}{2} + \dots + \frac{x_{13}(x_{13} - 1)}{2}$

Chiếu các cặp ô đỏ xuống một hàng ngang nào đó, theo giả thiết thì không có cặp ô đỏ nào có hình chiếu trùng nhau.

Vậy $C_{13}^2 = 78 \geq A = \frac{x_1(x_1 - 1)}{2} + \frac{x_2(x_2 - 1)}{2} + \dots + \frac{x_{13}(x_{13} - 1)}{2}$

$$\Leftrightarrow \sum_{i=1}^{13} x_i^2 - \sum_{i=1}^{13} x_i \leq 156$$

Áp dụng BĐT Bunhiacopxki ta có:

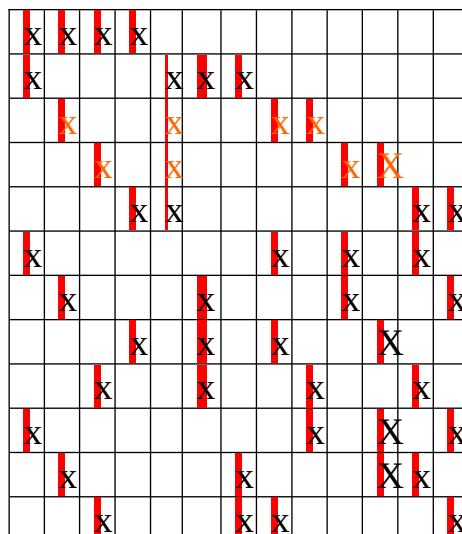
$$\left(\sum_{i=1}^{13} x_i\right)^2 \leq 13\left(\sum_{i=1}^{13} x_i^2\right) \Rightarrow \frac{s^2}{13} - s \leq 156$$

$$\Leftrightarrow s^2 - 13s - 2028 \leq 0 \Leftrightarrow S \leq 52$$

Dấu = xảy ra khi và chỉ khi $x_1 = x_2 = \dots = x_{13} = 4$ (mỗi dòng có 4 ô được tô đỏ).

(Học sinh lập luận chỉ ra $S \leq 52$ được 0,25đ)

Vẽ hình minh họa: (0,25đ)



				x			x			x	x		
Vậy giá trị lớn nhất của $S=52$													

Lưu ý: Học sinh làm theo cách khác mà đúng vẫn cho điểm tối đa./.